

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Số: 05/CV-SHA-2025

No: 05/CV-SHA-2025

V/v: Công bố báo cáo tài chính
TH Quý 4.2024.

*Announcing consolidated financial
statements for the fourth quarter of 2024*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

TP.HCM, ngày 24 tháng 01 năm 2025

HCM City, day 24 month 01 year 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh
To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

- Tên công ty niêm yết: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Name of company : **Son Ha Sai Gon Joint Stock Company**

- Mã chứng khoán: **SHA**

Securities code: **SHA**

- Địa chỉ trụ sở chính: **292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn , Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh , Việt Nam.**

Address of headoffice: *292/5 Hamlet Tam Dong 2, Thoi Tam Thon Commune, Hoc Mon District, Ho Chi Minh City, Vietnam*

- Điện thoại: **(84-28). 37100101**

Fax: **(84-28). 62511989**

Telephone: **(84-28). 37100101**

Fax: **(84-28). 62511989**

- Người thực hiện công bố thông tin/ *Person disclosing information:* Bà/Ms Ngô Thị Thanh Lan

- Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Type of information disclosed: 24h 72h Request Spontaneous periodic

Nội dung của thông tin công bố /*Content of disclosure:*

Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn công bố thông tin về Báo cáo tài chính Tổng hợp Quý 4.2024 và giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính tổng hợp so với cùng kỳ.

Saigon Son Ha Joint Stock Company announces information about the General Financial Report for Quarter 4.2024 and explains the difference in the General Financial Report compared to the same.

Thông tin này được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 24/01/2025 tại đường dẫn <http://sonhasg.com.vn>.

We announced this information on the Company's website on January 24, 2025 at the link <http://sonhasg.com.vn>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

We commit that the information published above is true and are fully responsible before the law for the content of the published information.

Nơi nhận/Place of receipt:

- Như trên/As above
- Lưu VT/Save the collection

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT/

Person publishing information

TỔNG GIÁM ĐỐC/General Director

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu/Sign, full name and seal)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Thanh Lan

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		689,437,806,840	694,379,323,622
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	45,519,136,487	31,892,739,507
1. Tiền	111		45,519,136,487	31,892,739,507
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		26,200,000,000	19,200,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		26,200,000,000	19,200,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		282,502,258,849	284,797,642,772
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	240,700,524,537	257,888,432,236
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5,145,333,010	3,113,239,549
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	14,937,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	37,468,463,265	9,676,742,519
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(822,711,533)	(822,711,533)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		10,649,570	4,940,001
IV. Hàng tồn kho	140		328,343,736,176	344,639,457,910
1. Hàng tồn kho	141	V.6	328,343,736,176	344,639,457,910
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,872,675,328	13,849,483,433
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	3,077,129,355	4,213,537,990
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3,663,740,833	9,635,945,443
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		131,805,140	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		212,833,190,038	227,677,875,429
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		196,460,684	545,046,684
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	196,460,684	545,046,684
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		100,952,999,190	115,445,154,001
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	68,800,333,153	79,809,139,573
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>178,070,140,624</i>	<i>171,939,348,713</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(109,269,807,471)</i>	<i>(92,130,209,140)</i>
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	-	2,461,714,072
<i>Nguyên giá</i>	225		-	5,254,881,818
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	(2,793,167,746)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	32,152,666,037	33,174,300,356
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>46,109,659,444</i>	<i>46,109,659,444</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(13,956,993,407)</i>	<i>(12,935,359,088)</i>
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		31,049,377,274	31,049,377,274
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	31,049,377,274	31,049,377,274
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		80,000,000,000	80,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	70,000,000,000	70,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		10,000,000,000	10,000,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		634,352,890	638,297,470
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	634,352,890	638,297,470
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		902,270,996,878	922,057,199,051

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		492,077,423,544	532,529,167,522
I. Nợ ngắn hạn	310		491,842,504,544	532,090,936,164
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	45,136,610,556	85,343,852,202
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4,192,278,480	4,342,225,985
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	333,953,333	1,762,276,591
4. Phải trả người lao động	314		3,674,826,411	3,389,212,204
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	5,234,341,585	3,775,167,332
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	451,394,643	329,975,492
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	430,537,192,692	430,866,319,514
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	2,281,906,844	2,281,906,844
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		234,919,000	438,231,358
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	234,919,000	251,919,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	-	186,312,358
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		410,193,573,334	389,528,031,529
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19.a	410,193,573,334	389,528,031,529
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		334,466,750,000	334,466,750,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.19.b	334,466,750,000	334,466,750,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(250,000,000)	(250,000,000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		13,686,797,071	13,686,797,071
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62,290,026,263	41,624,484,458
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		41,348,484,458	20,956,921,028
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20,941,541,805	20,667,563,430
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		902,270,996,878	922,057,199,051

Người lập biểu

Lê Hoàng Oanh

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh

HCM, ngày 23 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám Đốc



Ngô Thị Thanh Lan

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

(Đơn vị: VND)

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Quý IV			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước
		2024	2023	Năm nay		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	278,458,479,849	228,150,101,769	1,061,771,293,875	1,016,292,458,499	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16,997,801,892	15,567,256,259	68,065,039,460	58,854,107,305	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	261,460,677,957	212,582,845,510	993,706,254,415	957,438,351,194	
4. Giá vốn hàng bán	11	241,218,352,752	190,138,631,542	897,071,548,642	852,301,857,622	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	20,242,325,205	22,444,213,968	96,634,705,773	105,136,493,572	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	13,695,944,021	13,006,273,109	28,655,491,351	25,705,730,762	
7. Chi phí tài chính	22	6,257,686,347	7,871,300,493	27,539,860,269	32,959,576,480	
Trong đó: chi phí lãi vay	23	6,194,933,054	7,846,981,936	27,465,910,255	32,707,034,642	
8. Chi phí bán hàng	25	14,848,989,276	12,575,439,062	57,544,524,850	54,437,563,918	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4,419,207,663	4,927,542,809	18,672,040,408	21,363,889,162	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	8,412,385,940	10,076,204,713	21,533,771,597	22,081,194,774	
11. Thu nhập khác	31	155,238,772	201,261,495	318,818,377	812,805,905	
12. Chi phí khác	32	9,150,294	1,112,411	9,819,257	32,404,973	
13. Lợi nhuận khác	40	146,088,478	200,149,084	308,999,120	780,400,932	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	8,558,474,418	10,276,353,797	21,842,770,717	22,861,595,706	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	122,856,395	1,580,461,496	901,228,912	2,194,032,276	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-	

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	8,435,618,023	8,695,892,301	20,941,541,805	20,667,563,430
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	8,435,618,023	8,695,892,301	20,941,541,805	20,667,563,430
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	-	-	-	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	-	-	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	-	-	-	-

Người lập biểu



Lê Hoàng Oanh

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hạnh

HCM, ngày 23 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám Đốc



Ngô Thị Thanh Lan

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	21,842,770,717	22,861,595,706
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	15,944,278,831	16,148,578,642
- Các khoản dự phòng	03	-	(918,201,917)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(21,614,918,082)	(21,079,837,055)
- Chi phí lãi vay	06	27,465,910,255	32,707,034,642
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	43,638,041,721	49,719,170,018
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(3,238,408,495)	(2,779,407,256)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	16,295,721,734	(25,291,945,992)
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11	(39,301,451,616)	(49,952,931,581)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12	1,140,353,215	2,821,568,912
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(27,363,270,189)	(32,794,552,066)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2,358,834,013)	(929,571,770)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11,187,847,643)	(59,207,669,735)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(876,951,885)	(2,188,806,998)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12,000,000,000)	(42,501,472,337)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	23,937,000,000	23,333,458,377
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14,528,029,998	31,502,572,551
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	25,588,078,113	10,145,751,593

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	907,213,668,580	926,531,631,528
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(907,076,384,058)	(875,379,835,564)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35 V.18	(662,718,012)	(840,297,104)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(248,400,000)	(282,600,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(773,833,490)	50,028,898,860
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	13,626,396,980	966,980,718
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	31,892,739,507	30,925,758,789
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	45,519,136,487	31,892,739,507

Người lập biểu

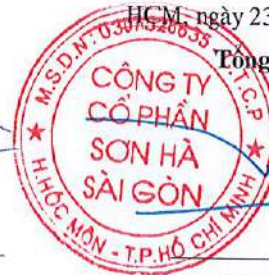
Lê Hoàng Oanh

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh

HCM, ngày 23 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám Đốc



Ngô Thị Thanh Lan

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ Phần

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình
Mã số CN: 0307526635-002

Địa chỉ

Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-003

Số 31, Tờ 10, Lô 90, Đường Nguyễn Công Trứ, Thị trấn Liên Nghĩa, H. Đức Trọng, T.Lâm Đồng, Việt Nam.

- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-005

Đại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-008

Thôn Nghĩa Hòa, Xã Đắk Nĩa, Thành Phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn
Mã số chi nhánh: 0307526635-009

Lô 2.10G, đường số 09, KCN Trà Nóc II, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP Cần Thơ, Việt Nam

- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn
Mã số chi nhánh: 0307526635-0010

Số 1559 Quốc Lộ 55, KP Long An, TT. Long Điền, H. Long Điền, T. Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0011

Số 052 ấp An Phước, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

- Chi nhánh Long Khánh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0012

Tổ 10B, ấp Bàu Trâm, Xã Bàu Trâm, Thành Phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-007

Lô 02 - B4, KĐT Phước Long, Phường Phước Long, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

- Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0013

Số 7B, Quốc lộ 14, buôn Cour Đẳng A, Xã Cuor Đẳng, Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

- Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0014

DT.741, ấp 1, xã Tiến Hưng, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

- Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0015

572 Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang

- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0016

Số 5/4 Quốc lộ 50, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Phong, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi nhánh Biên Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0017	Số 9-11, Lô A10, GDCB- QĐ4, Phường Tân Phong, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0018	Thôn Thắng Hiệp, Xã Hàm Thắng, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
- Chi nhánh Buôn Mê Thuột - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số CN: 0307526635-0020	18 Thôn 13, Xã Hòa Khánh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Eakar - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0019	Km 56, QL 26, Buôn Tân Sinh, xã Ea Đar, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Bình Long - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0021	Quốc lộ 13, Tổ 10, Ấp Phú Long, Xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước.
- Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0023	93 Đ, Ấp Bình Thành, xã Bình Phú, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
- Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0025	Tổ 17A, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0024	Số 425A, Quốc lộ 30, Tổ 13, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0026	Lô đất số 01-1A, Khu A5, Đường Số 02+03+H6, Phường 1, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0028	Số 03, Đường Lê Duẩn, KP3, P.Đài Sơn, TP Nha Trang - Tháp chàm, Tỉnh Ninh Thuận, VN.
- Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0029	Ấp Chợ, Xã Phương Thạnh, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.
- Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0027	Quốc lộ 1A, ấp Tân Tạo, Thị trấn Châu Hưng, Huyện Vĩnh Lợi, Tỉnh Bạc Liêu
- Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0030	Ấp Đồng Tâm. Xã Long Trạch, huyện Cần Đước, Tỉnh Long An, Việt Nam.

- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Nghành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cấu kiện kim loại, thùng bể chứa và dụng cụ chứa bằng kim loại.
- Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 Công ty có **293** nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 294 nhân viên).
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm/kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty dưới 12 tháng, Công ty chủ yếu sản xuất các sản phẩm trong tháng tính giá thành vào cuối tháng và kinh doanh hàng hóa công nghiệp. Sản phẩm và hàng hóa được bán trực tiếp tại kho Công ty hoặc chuyển về các chi nhánh để bán theo các đơn đặt hàng từ phòng kinh doanh.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3. Hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Tỷ lệ</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm nhà và quyền sử dụng đất.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao từ 42 đến 47 năm theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm/kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

14. Chi phí phải trả:

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

15. Vay và nợ phải trả thuê tài chính:

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản vay, nợ thuê tài chính của Công ty.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

- | | Mục đích |
|-----------------------------|---|
| • Quỹ đầu tư phát triển | Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty. Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,.... |
| • Quỹ khen thưởng, phúc lợi | Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động |

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Giá vốn hàng bán:

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

22. Chi phí tài chính:

Phản ánh những chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động tài chính, chi phí đi vay vốn, dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ tỷ giá hối đoái.

23. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	6,144,755,903	4,239,185,486
Tiền gửi ngân hàng	39,374,380,584	27,653,554,021
Cộng	45,519,136,487	31,892,739,507

2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá Gốc	Dự Phòng	Giá Gốc	Dự Phòng
+ Đầu tư tài chính ngắn hạn:				
Ngân hàng VIB	10,000,000,000			
Ngân Hàng Quân Đội	9,200,000,000		9,200,000,000	
Ngân hàng Kbank	5,000,000,000		10,000,000,000	
Ngân hàng Vietin	2,000,000,000			
Cộng	26,200,000,000		19,200,000,000	
		Số cuối kỳ		Số đầu năm
	Giá Gốc	Dự Phòng	Giá Gốc	Dự Phòng

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

+ Công ty con:

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	70,000,000,000	70,000,000,000
Cộng	70,000,000,000	70,000,000,000

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	2,469,202,301	12,576,250,309
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Và Phát Triển Hưng Thịnh	33,153,308,817	8,156,873,592
- Công Ty TNHH Cơ Khí - Thương Mại - Dịch Vụ Thiên Thành Lợi	40,793,395,212	40,575,630,955
- Công ty TNHH Sản Xuất & Thương Mại Thép Hải Phát	17,491,480,509	25,026,585,377
- Công ty TNHH TM DV Đại Phong Phú	822,711,533	822,711,533
- Công Ty TNHH Sản Xuất - TM - DV Kỹ Thuật Đại Phú Thịnh	18,889,480,150	34,344,710,041
- Công ty TNHH cơ khí xây dựng Minh Ngọc Dương	31,373,376,782	32,411,037,784
- Công Ty TNHH MTV Thương Mại Kim Phát	9,141,182,331	
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sơn Hà Xanh	1,494,540,661	828,741,931
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kim Loại VINA	30,383,493,810	41,063,232,472
- Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà		2,283,675,897
- Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Đức Thịnh	2,424,887,709	1,576,839,064
- Các Khách hàng khác	43,122,282,391	58,222,143,281
Cộng	240,700,524,537	257,888,432,236

Phải thu khách hàng là các bên liên quan:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	2,469,202,301	12,576,250,309
- Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà		2,283,675,897
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sơn Hà Xanh	1,494,540,661	828,741,931
Cộng	3,963,742,962	15,688,668,137

4. Các khoản phải thu khác

Ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu người lao động	27,958,356,172	7,721,695,012
- Ký cược, ký quỹ	160,139,316	121,139,316
- Bảo hiểm xã hội	166,507,845	155,254,995
- Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	8,000,000,000	
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1,183,459,932	1,678,653,196
Cộng	37,468,463,265	9,676,742,519

Dài hạn

- Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	196,460,684	545,046,684
Cộng	196,460,684	545,046,684

Tổng Cộng

37,664,923,949	10,221,789,203
-----------------------	-----------------------

5. Nợ xấu

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nợ gốc	Số cuối kỳ	Số đầu năm			
		Giá trị có thể thu hồi	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi		
Công ty TNHH TM DV Đại Phong Phú	822,711,533		822,711,533			
Cộng	822,711,533		822,711,533			
6. Hàng tồn kho		Số cuối kỳ	Số đầu năm			
Hàng mua đang đi trên đường		1,091,728,625	7,360,835,982			
Nguyên liệu, vật liệu		113,197,701,372	113,929,433,472			
Công cụ, dụng cụ						
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		21,019,458,336	19,736,497,104			
Thành phẩm		52,188,783,889	40,928,547,511			
Hàng hóa		140,846,063,954	162,684,143,841			
Cộng		328,343,736,176	344,639,457,910			
7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		Số cuối kỳ	Số đầu năm			
Hàng hóa						
Cộng						
8. Chi phí trả trước		Số cuối kỳ	Số đầu năm			
Ngắn hạn						
- Chi phí trả trước về thuê kho		761,591,663	960,391,663			
- Công cụ dụng cụ xuất dùng		264,259,703	421,314,432			
- Chi phí thuê đất		1,374,241,153	1,592,698,301			
- Chi phí bảo hiểm		300,028,351	641,582,779			
- Các khoản khác		377,008,485	597,550,815			
Cộng		3,077,129,355	4,213,537,990			
Dài hạn		Số cuối kỳ	Số đầu năm			
- Chi phí công cụ dụng cụ		392,215,718	330,448,477			
- Chi phí sửa chữa		221,348,880	307,848,993			
- Chi phí mua bảo hiểm						
- Chi phí thuê đất						
- Chi phí quảng cáo						
- Các khoản khác		20,788,292				
Cộng		634,352,890	638,297,470			
Tổng cộng		3,711,482,245	4,851,835,460			
9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá

Số đầu năm	85,538,362,177	35,348,958,624	44,477,241,504	6,574,786,408	171,939,348,713
Tăng trong năm		4,962,658,020	1,168,133,891		6,130,791,911
- Mua sắm mới		1,422,658,020			1,422,658,020
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành					
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		3,540,000,000	1,168,133,891		4,708,133,891
Giảm trong năm					
- Góp vốn Công ty TNHH MTV Sơn Hà Chu Lai					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác (ghi cụ thể)					
Số cuối kỳ	85,538,362,177	40,311,616,644	45,645,375,395	6,574,786,408	178,070,140,624

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	30,250,412,744	24,116,499,180	33,577,854,098	4,185,443,118	92,130,209,140
Tăng trong năm	6,876,554,868	5,193,029,083	3,824,877,710	1,245,136,670	17,139,598,331
- Khấu hao trong năm	6,876,554,868	2,972,076,697	3,252,662,350	1,245,136,670	14,346,430,585
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		2,220,952,386	572,215,360		2,793,167,746
Giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác (ghi cụ thể)					
Số cuối kỳ	37,126,967,612	29,309,528,263	37,402,731,808	5,430,579,788	109,269,807,471

Giá trị còn lại

Số đầu năm	55,287,949,433	11,232,459,444	10,899,387,406	2,389,343,290	79,809,139,573
Số cuối kỳ	48,411,394,565	11,002,088,381	8,242,643,587	1,144,206,620	68,800,333,153

10 Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	3,520,000,000	1,734,881,818			5,254,881,818
Tăng trong năm					
- Thuê tài chính trong năm					
- Tăng khác (ghi cụ thể)					
Giảm trong năm	3,520,000,000	1,734,881,818			5,254,881,818
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	3,520,000,000	1,734,881,818			5,254,881,818
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính					

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giảm khác (ghi cụ thể)

Số cuối kỳ

Giá trị hao mòn

Số đầu năm 2,220,952,386 572,215,360 2,793,167,746

Tăng trong năm

- Khấu hao trong năm

- Tăng khác (ghi cụ thể)

Giảm trong năm 2,220,952,386 572,215,360 2,793,167,746

- Mua lại TSCĐ thuê tài chính 2,220,952,386 572,215,360 2,793,167,746

- Trả lại TSCĐ thuê tài chính

- Giảm khác (ghi cụ thể)

Số cuối kỳ

Giá trị còn lại

Số đầu năm 1,299,047,614 1,162,666,458 2,461,714,072

Số cuối kỳ

11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	...	Cộng
--	-------------------	--------------------------	--------------------	----------------------	-----	------

Nguyên giá

Số đầu năm 45,156,600,444 933,059,000 46,109,659,444

Tăng trong năm

- Mua trong năm

- Tăng khác (ghi cụ thể)

Giảm trong năm

- Giảm khác (ghi cụ thể)

Số cuối kỳ 45,156,600,444 933,059,000 46,109,659,444

Giá trị hao mòn

Số đầu năm 11,999,163,583 936,195,505 12,935,359,088

Tăng trong năm

- Khấu hao trong năm 1,004,770,824 16,863,495 1,021,634,319

- Tăng khác (ghi cụ thể)

Giảm trong năm

- Thanh lý, nhượng bán

- Giảm khác (ghi cụ thể)

Số cuối kỳ 13,003,934,407 936,195,505 13,956,993,407

Giá trị còn lại

Số đầu năm 33,157,436,861 16,863,495 33,174,300,356

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số cuối kỳ	<u>32,152,666,037</u>				<u>32,152,666,037</u>
------------	-----------------------	--	--	--	-----------------------

12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
- Quyền sử dụng đất	31,049,377,274				31,049,377,274
- XDCB dở dang					
	<u>31,049,377,274</u>				<u>31,049,377,274</u>

13 Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH Posco VST	3,280,782,394	4,634,553,902
- Cty CP Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	1,178,632,789	587,002,146
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	5,912,164,041	1,887,248,632
- Công Ty TNHH Hoá Dầu Long Sơn	485,923,892	3,231,920,000
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sơn Hà Xanh	0	
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	27,761,090,513	67,740,001,939
- Các đối tượng khác	6,518,016,927	7,263,125,583
Cộng	<u>45,136,610,556</u>	<u>85,343,852,202</u>

Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	27,761,090,513	67,740,001,939
- Cty CP Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	1,178,632,789	587,002,146
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sơn Hà Xanh		
- Công Ty TNHH MTV Thiết Bị Gia Dụng Sơn Hà Bắc Ni	181,262,306	435,016,823
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	5,912,164,041	1,887,248,632
Cộng	<u>35,033,149,649</u>	<u>70,649,269,540</u>

14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	153,726,037	2,118,491,544	2,098,425,701	173,791,880
Thuế tiêu thụ đặc biệt				
Thuế xuất, nhập khẩu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,580,461,496	901,228,912	2,358,834,013	122,856,395
Thuế thu nhập cá nhân	28,089,058	444,295,793	435,079,793	37,305,058
Các loại thuế khác				
Cộng	<u>1,762,276,591</u>	<u>3,464,016,249</u>	<u>4,892,339,507</u>	<u>333,953,333</u>

15 Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí trích trước thường, hàng khuyến mãi	3,136,156,102	2,769,432,779

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí công tác, xăng dầu, khác	1,601,220,026	610,870,865
- Chi phí lãi vay phải trả	496,965,457	394,863,688
Cộng	5,234,341,585	3,775,167,332

16 Các khoản phải trả khác

Ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	205,897,967	205,298,009
Kinh phí công đoàn		
Phải trả cổ tức, phải nộp khác	245,496,676	124,677,483
Cộng	451,394,643	329,975,492
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	234,919,000	251,919,000
Cộng	234,919,000	251,919,000
Tổng Cộng	686,313,643	581,894,492

17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Giảm khác	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	2,281,906,844					2,281,906,844
Quỹ phúc lợi						
Cộng	2,281,906,844					2,281,906,844

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

18. Vay và nợ thuế tài chính

Nội dung	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	430,537,192,692	430,537,192,692	907,213,668,580	907,542,795,402	430,866,319,514	430,866,319,514
Vay ngắn hạn	430,537,192,692	430,537,192,692	907,213,668,580	907,076,384,058	430,399,908,170	430,399,908,170
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN12 TPHCM	173,464,635,264	173,464,635,264	375,656,649,280	377,998,202,194	175,806,188,178	175,806,188,178
- Ngân hàng và đầu tư phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn	178,713,033,810	178,713,033,810	417,680,121,265	415,262,854,675	176,295,767,220	176,295,767,220
- Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội (MB Bank)	29,265,866,038	29,265,866,038	29,265,866,038	29,332,077,490	29,332,077,490	29,332,077,490
- Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORNBANK	15,832,603,190	15,832,603,190	38,368,678,947	71,501,951,039	48,965,875,282	48,965,875,282
- Ngân hàng VIB	33,261,054,390	33,261,054,390	46,242,353,050	12,981,298,660	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	-	-	-	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN12	-	-	-	-	-	-
Nợ thuế tài chính	-	-	-	-	-	-
+ Nợ dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm) TP HN	-	-	-	-	-	-
+ Nợ dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm) TP HCM	-	-	-	-	-	-
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	-	-	-	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đông (5)	-	-	-	-	-	-
Nợ thuế tài chính (7)	-	-	-	-	-	-
Nợ dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	-	-	-	-	-	-
+ Công ty Thuế Tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	-	-	-	-	-
+ Công ty Thuế Tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP HCM	-	-	-	-	-	-
	430,537,192,692	430,537,192,692	907,213,668,580	907,729,107,760	431,519,043,216	431,519,043,216

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19 Vốn chủ sở hữu

19.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	334,466,750,000	13,686,797,071	(250,000,000)	21,239,521,028	369,143,068,099
Lãi trong năm trước				20,667,563,430	20,667,563,430
Phân phối lợi nhuận trong				(282,600,000)	(282,600,000)
Trích các quỹ trong năm					
Chia cổ tức, lợi nhuận					
Chia Cổ tức bằng tiền mặt					
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi					
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và BKS				(282,600,000)	(282,600,000)
Số dư cuối năm trước	334,466,750,000	13,686,797,071	(250,000,000)	41,624,484,458	389,528,031,529
Số đầu năm Nay	334,466,750,000	13,686,797,071	(250,000,000)	41,624,484,458	389,528,031,529
Tăng vốn trong kỳ					
Lãi trong kỳ				20,941,541,805	20,941,541,805
Phân phối lợi nhuận trong kỳ				(276,000,000)	(276,000,000)
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển					
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi					
+ Chia cổ tức					
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và BKS				(276,000,000)	(276,000,000)
+ Quỹ dự phòng tài chính					
+ Chia Cổ tức bằng cổ phiếu					
Số dư cuối kỳ	334,466,750,000	13,686,797,071	(250,000,000)	62,290,026,263	410,193,573,334

19.b Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33,446,675	33,446,675
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	33,446,675	33,446,675
- Cổ phiếu phổ thông	33,446,675	33,446,675
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33,446,675	33,446,675
- Cổ phiếu phổ thông	33,446,675	33,446,675
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu (VND/ Cổ Phiếu)	10,000	10,000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng doanh thu	278,458,479,849	228,150,101,769
- Doanh thu bán hàng hóa	219,433,228,242	171,282,174,832
- Doanh thu bán thành phẩm	59,025,251,607	56,867,926,937
Các khoản giảm trừ doanh thu:	16,997,801,892	15,567,256,259
- Chiết khấu thương mại	14,892,298,603	15,501,762,932
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại	2,105,503,289	65,493,327
Doanh thu thuần	261,460,677,957	212,582,845,510

2 Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	198,100,855,689	151,943,646,806
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	43,117,497,063	38,194,984,736
Cộng	241,218,352,752	190,138,631,542

3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	248,744,481	859,609,706
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10,000,000,000	10,000,000,000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3,447,199,540	2,146,663,403
Cộng	13,695,944,021	13,006,273,109

4 Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	6,194,933,054	7,846,981,936
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	62,753,293	24,318,557
Chi phí tài chính khác		
Cộng	6,257,686,347	7,871,300,493

5 Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	7,507,009,294	6,803,252,638
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	352,256,398	188,517,394
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,997,148,447	2,121,970,004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,658,886,208	1,456,700,493
Chi phí khác	2,333,688,929	2,004,998,533
Cộng	14,848,989,276	12,575,439,062

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	1,827,378,820	1,692,045,313
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43,832,356	57,236,806
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,497,503,533	1,648,908,202
Chi phí dịch vụ mua ngoài	780,889,825	1,206,074,212
Chi phí khác	269,603,129	323,278,276
Cộng	4,419,207,663	4,927,542,809

7 Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập thanh lý tài sản	80,000,000	45,454,545
Thu nhập khác	75,238,772	155,806,950
Cộng	155,238,772	201,261,495

8 Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê		
Chi phí khác	9,150,294	1,112,411
Cộng	9,150,294	1,112,411

9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà	Công ty con của Công ty TNHH MTV Quốc tế sơn hà Chu Lai
- Công ty TNHH MTV Quốc tế sơn hà Chu Lai	Công ty con
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sơn Hà Xanh	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (SHI)	Ông Lê Hoàng Hà là em ruột Chủ tịch HĐQT
- Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con 100% vốn của SHI
- Công Ty TNHH MTV Thiết Bị Gia Dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty con 100% vốn của SHI
- Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Công ty con 51,59% vốn của SHI

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị		
Tạm ứng		
Ban điều hành		
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị		
Ban điều hành		
Cộng nợ phải thu		
	Kỳ này	Kỳ trước
1. TGD: Bà Ngô Thị Thanh Lan	105,195,000	105,195,000
2. PTGD: Ông Hoàng Tuấn Thanh	96,000,000	96,000,000
Thu nhập Ban Tổng Giám Đốc	201,195,000	201,195,000
1. TBBKS: Nguyễn Văn Tuấn	58,554,000	58,722,000
2. TVBKS: Lê Hoàng Anh	45,216,000	55,226,000
3. TVBKS: Nguyễn Thị Kim Loan	52,449,000	55,771,000
Tiền lương ban Kiểm soát	156,219,000	169,719,000
1. Chủ tịch: Lê Hoàng Hà	15,000,000	15,000,000
2. Thành Viên: Lê Văn Ngà	9,000,000	9,000,000
3. Thành Viên: Lê Văn Thành	9,000,000	9,000,000
4. Thành Viên: Trịnh Thị Phương Linh	9,000,000	9,000,000
5. Thành Viên: Phạm Thị Uyên	9,000,000	9,000,000
Thù Lao Hội Đồng Quản Trị	51,000,000	51,000,000
1. TBBKS: Nguyễn Văn Tuấn	9,000,000	9,000,000
2. TVBKS: Lê Hoàng Anh	4,500,000	4,500,000
3. TVBKS: Nguyễn Thị Kim Loan	4,500,000	4,500,000
Thù Lao Ban Kiểm Soát	18,000,000	18,000,000
Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan		
	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai		
- Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	69,003,007,360	74,226,022,030
- Bán hàng hóa, nguyên vật liệu	2,861,385,956	15,485,573,310
- Điều chuyển lợi nhuận về	10,000,000,000	10,000,000,000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà		
- Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	0	9,112,113,299
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sơn Hà Xanh		
- Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	49,167,169,014	28,707,670,720
- Bán hàng hóa, nguyên vật liệu	1,877,777,775	51,471,000
- Bán tài sản	80,000,000	
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		
- Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	63,756,992,022	57,666,648,463
- Chiết khấu thanh toán	2,618,540,750	1,390,915,200

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Xuất trả hàng

Công Ty TNHH MTV Thiết Bị Gia Dụng Sơn Hà Bắc Ninh

273,225,355

395,469,840

- Mua hàng hóa, nguyên vật liệu

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà

1,988,708,635

1,056,925,416

- Mua hàng hóa, nguyên vật liệu

HCM, ngày 23 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu



Lê Hoàng Oanh

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hạnh

Tổng Giám Đốc



Ngô Thị Thanh Lan

